TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21/6/2024
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Tâm.

2. Ông: Nông Xuân Kiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hoàng Thị C - sinh năm 1994,** (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT: xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Bị đơn: **La Văn S – sinh năm 1993**, (Vắng mặt có lý do)

Nơi ĐKHHTT: xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/5/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Hoàng Thị C trình bày: Chị và anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào ngày 08/08/2018, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện và đã được tìm hiểu nhau trước khi tiến tới hôn nhân. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, đến tháng 6 năm 2019, anh S bị bắt giam về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 20 năm tù. Từ khi anh S bị bắt giam, chị một mình nuôi con và đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị C nhận thấy không còn tình cảm với anh S do anh đã vi phạm nghĩa vụ một người chồng, người cha khi không tu chí làm ăn cùng chị nuôi dạy con cái mà lại phạm pháp. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh La Văn S. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên La Khánh L, sinh ngày 09/02/2019, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2024, bị đơn La Văn S xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị C trình bày là đúng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Đội 18, phân trại số 1, trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày anh đi chấp hành án thì tình cảm vợ chồng phai nhạt dần nên nay chị C làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Sau khi ly hôn, anh S đồng ý giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục vì hiện tại anh đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại trại giam nên anh S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Chị C giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh S. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện cho chị Hoàng Thị C được ly hôn anh La Văn S;

- Về con chung: Giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh S. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Buộc chị C phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn La Văn S có hộ khẩu thường trú và trước khi đi chấp hành án thì cư trú tại: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn La Văn S đang chấp hành án tại Đội 18, phân trại số 1, trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên nên không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Hoàng Thị C yêu cầu ly hôn anh La Văn S, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tung dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị C và anh La Văn S tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 08/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị C và anh S là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, đến cuối năm 2019, anh S đã vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 14/5/2024, anh S cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị C cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị C và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Giữa chị C và anh S có 01 con chung tên La Khánh L, sinh ngày 09/02/2019, hiện nay đang sống với chị C. Sau khi ly hôn, chị C có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh S đang trong thời gian chấp hành án tại trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu L cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Mặt khác anh S cũng nhất trí để chị C chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu L cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh S là có căn cứ. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Chị C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 và 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn anh La Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu La Khánh L, sinh ngày 09/02/2019 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh La Văn S.

Sau khi ly hôn, anh La Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002671 ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh La Văn S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nông Văn Tùng